

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

BÀI 1: THẦN THOẠI VÀ SỬ THI

I. Đọc	
1. Thần thoại a. Khái niệm: Là thể loại tự sự dân gian có nội dung hoang đường, tưởng tượng về các vị thần, những nhân vật sáng tạo ra thế giới...phản ánh nhận thức, cách lí giải của con người thời nguyên thủy về các hiện tượng tự nhiên và xã hội b. Đặc trưng của thần thoại: - Không gian: vũ trụ nguyên sơ - Thời gian: quá khứ, không được xác định cụ thể - Cốt truyện: xoay quanh quá trình sáng tạo ra thế giới, con người và văn hóa - Nhân vật: Thần linh, có sức mạnh phi thường - Lời người kể chuyện là lời của người tường thuật câu chuyện; lời nhân vật là lời nói trực tiếp c. Ý nghĩa: Lí giải sự hình thành vũ trụ và con người, bày tỏ khát vọng chinh phục thiên nhiên, làm chủ cuộc sống. Lưu ý: Phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ, ý nghĩa hình ảnh, chi tiết đặc sắc....bám	2. Sử thi a. Khái niệm: Là tác phẩm tự sự có quy mô lớn, xây dựng hình tượng hào hùng, kì vĩ để kể về những người anh hùng, những sự kiện lớn có ý nghĩa trọng đại với dân tộc, diễn ra trong đời sống cộng đồng của cư dân thời cổ đại. b. Đặc trưng của sử thi: - Không gian: không gian cộng đồng hoặc không gian mở ra theo cuộc phiêu lưu của người anh hùng - Thời gian: quá khứ gắn với những sự kiện của cộng đồng - Cốt truyện: Xoay quanh kì tích của người anh hùng - Nhân vật: người anh hùng hiện thân cho cộng đồng, hội tụ sức mạnh, tài năng, khát vọng chinh phục và lập kì tích lẫy lừng - Lời người kể chuyện là lời của người tường thuật câu chuyện; lời nhân vật là lời nói trực tiếp. c. Ý nghĩa: Ca ngợi người anh hùng trong công cuộc khai sáng và bảo vệ cộng đồng, khát vọng về một trật tự xã hội hài hòa, thống nhất Lưu ý: Phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ, ý nghĩa hình ảnh, chi tiết đặc

sát hệ thống câu hỏi gợi ý cuối bài học sách giáo khoa	sắc....bám sát hệ thống câu hỏi gợi ý cuối bài học sách giáo khoa
II. Thực hành tiếng Việt: Quy tắc sử dụng từ ngữ trong Tiếng Việt	
III. Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội: Bài viết phải đảm bảo bố cục bài nghị luận xã hội: - Mở bài: Nêu vấn đề nghị luận - Thân bài: Triển khai vấn đề: + Giải thích vấn đề + Phân tích, chứng minh tính đúng sai/phù hợp hay không phù hợp...của vấn đề + Bàn luận: Thể hiện rõ thái độ của người viết: đồng tình, khen ngợi hay phê phán...; Liên hệ thực tế, rút ra bài học - Kết bài: Khẳng định lại vấn đề	

BÀI 2: THƠ ĐƯỜNG LUẬT

I. Đọc	Tri thức thể loại: Đặc trưng của thơ Đường luật: - Hình thức: có các dạng “thất ngôn bát cú”, thất ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn bát cú - Văn tự: chữ Hán, chữ Nôm - Cách gieo vần: thường chỉ gieo vần bằng ở cuối các câu 1,2,4 (thơ tứ tuyệt), câu 1,2,4,6,8 (thơ bát cú) - Nghệ thuật đối: Thơ bát cú thường đối ở 2 câu thực và 2 câu luận (có thể đối giữa 2 vế trong cùng 1 câu hoặc đối các vế của câu trên với câu dưới); đối ý có 2 dạng: tương đồng hoặc tương phản - Hình ảnh: có tính ước lệ, tượng trưng cao, chứa đựng tâm sự, cảm xúc của tác giả về thiên nhiên, thời cuộc và thân phận con người - Ngôn ngữ tinh luyện, có những “nhãn tự” gợi được linh hồn của đối tượng diễn tả trong văn bản - Chủ thể trữ tình: chủ thể phát ngôn thường là tác giả hoặc người đại diện cho quan niệm thẩm mỹ và tư tưởng thời đại về một vấn đề nào đó trong cuộc sống.
---------------	---

	- Kiến thức đọc hiểu văn bản: phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ, ý nghĩa hình ảnh, từ ngữ đặc sắc....bám sát hệ thống câu hỏi gợi ý cuối bài học sách giáo khoa
II. Thực hành tiếng Việt: Trật tự từ trong Tiếng Việt	
III. Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội Bài viết phải đảm bảo bố cục bài nghị luận xã hội: - Mở bài: Nêu vấn đề nghị luận - Thân bài: Triển khai vấn đề: + Giải thích vấn đề + Phân tích, chứng minh tính đúng sai/phù hợp hay không phù hợp...của vấn đề + Bàn luận: Thể hiện rõ thái độ của người viết: đồng tình, khen ngợi hay phê phán...; Liên hệ thực tế, rút ra bài học - Kết bài: Khẳng định lại vấn đề

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI (Thời gian 120', 100% tự luận)

I. ĐỌC HIỂU: 4.0 điểm

- Hình thức Trả lời 05 câu hỏi tự luận phân chia trên các mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng (02 câu mức độ nhận biết, 02 câu mức độ thông hiểu, 01 câu mức độ vận dụng). - Nội dung:

- + Đọc hiểu văn bản ngoài sách giáo khoa
- + Văn bản đọc hiểu thuộc thể loại thần thoại, sử thi; thơ Đường luật
- + Kiến thức đọc hiểu văn bản: phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ, ý nghĩa hình ảnh, chi tiết đặc sắc....bám sát hệ thống câu hỏi gợi ý cuối bài học sách giáo khoa
- + Kiến thức về các đặc trưng của thể loại thần thoại, sử thi và thơ Đường luật

II. VIẾT: 6.0 điểm

Câu 1 (2.0 điểm): Viết đoạn văn nghị luận văn học phân tích, đánh giá một đoạn trích thần thoại/ sử thi/ Thơ Đường luật hoặc phân tích làm rõ một đặc điểm của thể loại qua văn bản (khoảng 200 chữ)

Câu 2 (4.0 điểm): Viết bài nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ)

C. ĐỀ MINH HỌA

SỞ GD&ĐT HÀ NỘI TRƯỜNG THPT YÊN HÒA ĐỀ MINH HOẠ 1 <i>(Đề gồm 02 trang)</i>	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2025 - 2026 MÔN: NGỮ VĂN, LỚP: 10 <i>Thời gian làm bài: 120 phút</i>
--	--

Họ và tên thí sinh:

Số báo danh:

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TÊ-ĐÊ

Người anh hùng vĩ đại của người A-ten(Athens) là Tê-đê. Chàng đã có nhiều cuộc phiêu lưu và tham dự nhiều sự kiện quan trọng đến nỗi ở A-ten người ta có câu “Không có việc gì mà không có Tê-đê”.

Chàng là con của vua Ê-giê (Aegeus) tại A-ten. Tuy nhiên thuở nhỏ chàng sống nơi quê mẹ, trong một thành phố phía nam Hy Lạp. Ê-giê quay trở về Hy Lạp lúc Tê-đê chưa sinh ra, nhưng trước khi đi ông có đặt một thanh kiếm và một đôi giày vào trong một cái hố và lấp lại bằng một tảng đá lớn. Ông làm việc này với sự chứng kiến của vợ và dặn rằng khi nào đứa con trai- nếu nàng sinh ra con trai- của họ lớn lên đủ mạnh để lăn hòn đá này đi và lấy những thứ cất bên dưới thì hãy cho nó đến A-ten nhận cha. Đứa bé sinh ra là con trai và khoẻ mạnh hơn các trẻ khác rất nhiều, thế nên khi mẹ cậu cuối cùng dẫn cậu đến nơi hòn đá thì cậu nhấc nó lên một cách dễ dàng. Bà bèn bảo cậu rằng đã đến lúc cậu đi tìm cha và đã có một chiếc thuyền được ông ngoại cậu dành sẵn cho cậu. Nhưng Tê-đê không muốn đi bằng đường thủy vì chuyến đi như thế quá an toàn và nhàn nhã. Ý nghĩ của chàng là sớm trở thành một đại anh hùng, và quá an toàn, dễ dãi không phải là cách để đạt tới điều đó. Chàng luôn luôn mơ tưởng được như Hê-ra-cờ-lét (Heracles) - vị anh hùng sáng chói nhất trong các anh hùng của người Hy Lạp, và chàng quyết định hành động sao cho sáng chói như thế. Điều này hoàn toàn tự nhiên vì hai người là anh em họ.

Do đó, chàng khẳng khái từ chối chiếc thuyền mà mẹ và ông ngoại chàng đã thuyết phục chàng sử dụng, chàng bảo rằng đi bằng thuyền như thế là sự lẩn trốn gian nguy một cách hèn hạ và chàng quyết tâm đi đến A-ten bằng đường bộ. Đây là một chuyến đi dài và rất nguy hiểm vì bọn cướp đầy đường. Tuy nhiên, chàng đã tiêu diệt sạch bọn chúng, chẳng để sót một tên nào có thể quấy nhiễu khách bộ hành tương lai[...]

Ta có thể tưởng tượng là cả nước Hy Lạp đã rộn lên bao lời ca ngợi chàng thanh niên đã quét sạch khỏi đất nước này những đau đớn khổ cho khách bộ hành. Khi đó đến A-ten chàng đã là một vị anh hùng được tri ân, được nhà vua mời dự đại tiệc và dĩ nhiên ông không biết Tê-đê là con mình. Thực ra ông còn e ngại sự được lòng dân chúng rộng rãi của chàng trai này, cho rằng hẳn có thể được dân chúng tôn lên làm vua, nên ông cho mời chàng ta tới với ý định đầu độc chàng. Âm mưu này không phải của ông mà là của Mê-đê (Medea), nhân vật nổi tiếng trong cuộc săn tìm bộ lông cừu bằng vàng(1), nàng ta đã biết được Tê-đê là ai, nhờ ở pháp thuật của mình, và đã gây được ảnh hưởng lớn với Ê-giê. Nàng không muốn vị thế của mình bị suy giảm vì sự xuất hiện của gã con trai này. Nhưng trong lúc nàng ta đưa chén thuốc độc mời Tê-đê thì Tê-đê vì muốn được cha mình tức khắc nhận ra mình

nên rút thanh kiếm ra. Nhà vua nhận ngay ra thanh kiếm ấy và hất chén thuốc độc xuống đất. Mê-dê tẩu thoát như nàng vẫn luôn làm thế [...].

(Theo Ê-đi Ha-min-ton, Huyền thoại phương Tây, Chương Ngọc dịch, NXB Mỹ thuật, Hà Nội, 2004, tr188-190)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: (0.5 điểm) Xác định ngôi kể của văn bản.

Câu 2: (0.5 điểm) Theo đoạn trích, Tê-dê có nguồn gốc xuất thân như thế nào?

Câu 3: (1.0 điểm) Chỉ ra từ dùng sai và sửa lại cho đúng trong câu văn sau:

Chàng đã có nhiều cuộc phiêu lưu và tham dự nhiều sự kiện quan trọng đến nỗi ở A-ten người ta có câu “Không có việc gì mà không có Tê-dê”.

Câu 4: (1.0 điểm) Câu văn “*Nhưng Tê-dê không muốn đi bằng đường thủy vì chuyển đi như thế quá an toàn và nhàn nhã*” giúp em hiểu Tê-dê là người như thế nào?

Câu 5. (1.0 điểm) Hành trình đi tìm cha của chàng Tê-dê đã gợi cho em suy nghĩ tích cực gì? (Viết đoạn 7-10 dòng)

II. VIẾT (6 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm) Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích sức hấp dẫn của đoạn trích trên qua yếu tố cốt truyện và giọng điệu kể chuyện.

Câu 2 (4.0 điểm) Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về mối quan hệ giữa khát vọng và hành động của con người trong cuộc sống.

SỞ GD&ĐT HÀ NỘI TRƯỜNG THPT YÊN HÒA ĐỀ MINH HOẠ 2 <i>(Đề gồm 02 trang)</i>	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2025 - 2026 MÔN: NGỮ VĂN, LỚP: 10 <i>Thời gian làm bài: 120 phút</i>
---	---

Họ và tên thí sinh:

Số báo danh:

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TỰ TÌNH (Bài I)
*Tiếng gà vắng vắng gáy trên bom¹,
Oán hận trông ra khắp mọi chòm².
Mồ thảm không khua mà cũng cốc,
Chuông sầu chẳng đánh có sao om?
Trước nghe những tiếng thêm rầu rĩ,
Sau giận vì duyên để mồm mòm.
Tài tử³ văn nhân⁴ ai đó tá?
Thân này đâu đã chịu già tom!*

(Hồ Xuân Hương)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (0.5 điểm) Bài thơ “*Tự tình I*” làm theo thể thơ nào?

Câu 2. (0.5 điểm) Xác định hoàn cảnh (không gian, thời gian) bộc lộ tâm trạng của chủ thể trữ tình?

Câu 3. (1.0 điểm) Kể tên những âm thanh xuất hiện trong bài thơ. Những âm thanh đó diễn tả tâm trạng gì của chủ thể trữ tình?

Câu 4. (1.0 điểm) Chỉ rõ và phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ trong hai dòng thơ:

*“Mồ thảm không khua mà cũng cốc,
Chuông sầu chẳng đánh có sao om?”*

Câu 5. (1.0 điểm) Nêu cảm nhận của anh/chị về số phận và vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong xã hội phong kiến? (Viết đoạn 7-10 dòng)

II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm): Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích, đánh giá nghệ thuật của bài thơ trên.

Câu 2 (4.0 điểm): Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận bàn về câu nói của liệt sĩ, bác sĩ Đặng Thùy Trâm: “*Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố*”.

¹ Bom: phía sau một con thuyền, nơi người dân chài thường nuôi nhốt gà.

² Chòm: xóm nhỏ ở một số vùng

³ Tài tử: người có tài và sống phóng khoáng

⁴ Văn nhân: người có học và có tài văn chương

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

BÀI 2: THƠ ĐƯỜNG LUẬT

I. Đọc	Tri thức thể loại: Đặc trưng của thơ Đường luật: - Hình thức: có các dạng “thất ngôn bát cú”, thất ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn bát cú - Văn tự: chữ Hán, chữ Nôm - Cách gieo vần: thường chỉ gieo vần bằng ở cuối các câu 1,2,4 (thơ tứ tuyệt), câu 1,2,4,6,8 (thơ bát cú) - Nghệ thuật đối: Thơ bát cú thường đối ở 2 câu thực và 2 câu luận (có thể đối giữa 2 vế trong cùng 1 câu hoặc đối các vế của câu trên với câu dưới); đối ý có 2 dạng: tương đồng hoặc tương phản - Hình ảnh: có tính ước lệ, tượng trưng cao, chứa đựng tâm sự, cảm xúc của tác giả về thiên nhiên, thời cuộc và thân phận con người - Ngôn ngữ tinh luyện, có những “nhãn tự” gợi được linh hồn của đối tượng diễn tả trong văn bản - Chủ thể trữ tình: chủ thể phát ngôn thường là tác giả hoặc người đại diện cho quan niệm thẩm mỹ và tư tưởng thời đại về một vấn đề nào đó trong cuộc sống.
	- Kiến thức đọc hiểu văn bản: phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ, ý nghĩa hình ảnh, từ ngữ đặc sắc....bám sát hệ thống câu hỏi gợi ý cuối bài học sách giáo khoa
II. Thực hành tiếng Việt: Trật tự từ trong Tiếng Việt	
III. Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội Bài viết phải đảm bảo bố cục bài nghị luận xã hội: - Mở bài: Nêu vấn đề nghị luận - Thân bài: Triển khai vấn đề: + Giải thích vấn đề + Phân tích, chứng minh tính đúng sai/phù hợp hay không phù hợp...của vấn đề

	+ Bàn luận: Thể hiện rõ thái độ của người viết: đồng tình, khen ngợi hay phê phán...; Liên hệ thực tế, rút ra bài học - Kết bài: Khẳng định lại vấn đề
--	---

BÀI 3: KỊCH BẢN CHÈO VÀ TUỒNG

Chèo cổ	Tuồng
I. Đọc	
- Chèo cổ thuộc thể loại sân khấu dân gian, ra đời từ xa xưa, phát triển mạnh ở vùng đồng bằng Bắc Bộ - Nội dung: Phản ánh đời sống vật chất, tâm hồn, tình cảm của con người trong xã hội phong kiến; ca ngợi những phẩm chất đạo đức tốt đẹp, phê phán thói hư tật xấu; thể hiện sâu sắc giá trị nhân văn - Nghệ thuật chèo mang tính tổng hợp, phối hợp giữa nói, hát, múa... với sự hỗ trợ của các đạo cụ... - Kịch bản chèo: là phần nội dung chính của vở diễn. Tịch chèo thường lấy từ truyện cổ dân gian, nhân vật kẻ lời thoại và các chỉ dẫn về bối cảnh, trang phục, hoạt động trên sân khấu. - Nhân vật chèo gồm 5 loại vai chính: Sinh (nam, trẻ, thư sinh, có học), Đào gồm nữ chính (hiền lành, tốt bụng...), nữ lệch (lẳng lơ, độc ác...), Lão (nam, già), Mụ (nữ, già), Hề	- Tuồng là loại hình sân khấu truyền thống được chia làm 2 loại: tuồng cung đình và tuồng hải - Tuồng cung đình: đề tài trung với vua, đánh giặc bảo vệ đất nước, vương triều; âm hưởng bi tráng, giàu kịch tính, mâu thuẫn căng thẳng giữa 2 phe: trung – nịnh, tốt – xấu - Tuồng hải: đề tài đời sinh hoạt, dùng tiếng cười phản ánh hiện thực. - Nghệ thuật tuồng: phối hợp ngôn từ, âm nhạc, vũ đạo...; nhân vật kèm lời thoại và chỉ dẫn bối cảnh...
II. Thực hành tiếng Việt: Phát hiện và sửa lỗi dùng từ trong Tiếng Việt	
III. Viết:	Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm Bài viết phải đảm bảo bố cục bài nghị luận xã hội: - Mở bài: Nêu vấn đề nghị luận - Thân bài: Triển khai vấn đề: + Giải thích vấn đề+ Phân tích, chứng minh tính đúng, sai/phù hợp hay không phù hợp... của vấn đề + Bàn luận: Thể hiện thái độ đồng tình, khen ngợi hay phê phán... + Liên hệ và rút ra bài học - Kết bài: Khẳng định lại vấn đề

BÀI 4: VĂN BẢN THÔNG TIN

I. Đọc	- Văn bản thông tin là văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin. - Văn bản thông tin sử dụng phương thức thuyết minh kết hợp với các phương thức biểu đạt khác như miêu tả, tự sự, biểu cảm... - Có nhiều loại văn bản thông tin: báo cáo, bản tin, thông báo, diễn văn... - Ngôn ngữ trong văn bản thông tin sáng rõ, đơn nghĩa - Văn bản thông tin sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu... giúp người đọc dễ tiếp nhận và ghi nhớ thông tin - Văn bản thông tin thường dẫn tên người, địa điểm, thời gian, số liệu xác thực có thể kiểm chứng để đảm bảo tính chính xác. - Bản tin: cung cấp thông tin về sự kiện đã, đang hoặc sắp diễn ra (ngắn gọn, có tính thời sự)
II. Thực hành tiếng Việt: Cách sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản.	
III. Viết:	Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm Bài viết phải đảm bảo bố cục bài nghị luận xã hội: - Mở bài: Nêu vấn đề nghị luận - Thân bài: Triển khai vấn đề: + Giải thích vấn đề + Phân tích, chứng minh tính đúng, sai/phù hợp hay không phù hợp... của vấn đề + Bàn luận: Thể hiện thái độ đồng tình, khen ngợi hay phê phán... Liên hệ và rút ra bài học - Kết bài: Khẳng định lại vấn đề

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI (Thời gian 120', 100% tự luận)

I. ĐỌC HIỂU: 4.0 điểm

- Hình thức: Trả lời 05 câu hỏi tự luận phân chia trên các mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng (02 câu mức độ nhận biết, 02 câu mức độ thông hiểu, 01 câu mức độ vận dụng).

- Nội dung:

+ Đọc hiểu văn bản ngoài sách giáo khoa.

+ Văn bản đọc hiểu thuộc thể loại thơ Đường luật, chèo, tuồng.

+ Kiến thức đọc hiểu văn bản: phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ, ý nghĩa hình ảnh, chi tiết đặc sắc....bám sát hệ thống câu hỏi gợi ý cuối bài học sách giáo khoa.

+ Kiến thức về các đặc trưng của thể loại thơ Đường luật, chèo, tuồng; văn bản thông tin.

II. VIẾT: 6.0 điểm

Câu 1 (2.0 điểm):

Viết đoạn văn nghị luận văn học phân tích, đánh giá văn bản thơ Đường luật, một đoạn trích chèo, tuồng hoặc làm rõ một đặc điểm của thể loại qua văn bản (khoảng 200 chữ).

Câu 2 (4.0 điểm):

Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

C. ĐỀ MINH HỌA

SỞ GD&ĐT HÀ NỘI TRƯỜNG THPT YÊN HÒA ĐỀ MINH HỌA 1 (Đề gồm 04 trang)	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2025 - 2026 MÔN: NGỮ VĂN, LỚP: 10 Thời gian làm bài: 120 phút
---	--

Họ và tên thí sinh:

Số báo danh:

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(Tóm tắt: *Dương Lễ và Lưu Bình là hai người bạn thân từ thuở thiếu thời. Hai người cùng dìu mài kinh sử và cùng đi thi, nhưng chỉ Dương Lễ đỗ đạt. Lưu Bình sinh ra buồn chán. Dương Lễ muốn giúp bạn thi lại, nên đã dùng kế khích tướng, ngoài mặt tỏ ra khinh bỉ Lưu Bình, nhưng bên trong bí mật sai vợ của mình là Châu Long đi theo giúp Lưu Bình để chàng có thời gian và tiền bạc ôn thi. Năm đó Lưu Bình đỗ làm quan. Dương Lễ cho mời Lưu Bình đến chơi. Trong buổi gặp mặt này, Lưu Bình mới biết Châu Long là vợ của Dương Lễ. Lưu Bình vô cùng cảm động và kính phục trước tấm lòng của hai người dành cho mình).*

DƯƠNG LỄ:
– Ta có người bạn thiết
Tên gọi Lưu Bình
Nghĩa trong phé phủ
Ta cũng có của giúp anh em no đủ
Nhưng đủ no lại những việc học hành
Ấu là ta giả cách vô hình
Chịu tiếng bạc cho anh em càng tủi cực
Anh em có giận ta, mới học hành ra sức
Trong ba nàng, cậy một nàng thân tín đi nuôi
Nàng nào khả đỡ anh việc ấy?

BÀ CÁ:
– Bẩm lạy quan,
Thiếu chi điều cho bạn được nhờ
Cổ kim nay có thể bao giờ
Đi nuôi bạn thật điều rất khó
Số bạn quan còn muôn măn vất vả
Có lẽ đâu nuôi mãi được ru
Thế gian nay nam nữ đồng cư⁽¹⁾
Tiếng tăm ấy rửa sao cho sạch
Như điều ấy thì tôi xin khước
Có nên ra mặc ý hai dì...

DƯƠNG LỄ:
– Nàng cả đã nói vậy, nàng hai ý thế nào?

BÀ HAI:
– Trình lạy quan,
Phận tiểu tình⁽²⁾ bên gối, ngoài màn
Có lẽ nào sửa vượt qua đấng
Lời em nói cũng như lời chị cả.

DƯƠNG LỄ:
– Nàng cả, nàng hai đã từ nan trước
Châu Long em,
Nàng có đi thì nàng cũng nói
Để cho anh đành dạ cậy trông
Sách có câu: nữ hữu tam tông
Còn bé nhỏ tại gia tông phụ
Khi lớn khôn xuất giá tông phu.

CHÂU LONG (nói sử): – Trăm lạy chàng,

Chàng dạy đi dẫm liễu đường cù
Thiếp chẳng quản công phu khó nhọc
Thiếp vâng lời chàng đi nuôi bạn học
Nhưng đi làm sao, về lại làm sao?
Thiếp sợ chàng quân tử chí cao
Dạ như bể dò sao cho xiết
Thiếp sợ mình: lửa gần rơm lâu ngày cũng bén
Uổng công chàng mà lỗi đạo tào khang
Đục pha trong, thau lẫn với vàng
Đành phận thiếp, hờ mặt chàng quân tử.

DƯƠNG LỄ:
– Việc nàng đi ta đã tính trước
Nếu hồ nghi ta đã chẳng sai đi
Người quân tử có nghĩ chi chuyện ấy
Ba nén vàng nàng thời nhận lấy
Nuôi bạn anh cho cơm áo no lòng
Rồi sau sẽ tìm đường trở lại...

CHÂU LONG:
– Bẩm lạy quan,
Quan đã hết lòng cùng bạn
Thiếp đây xin gắng sức cùng chồng
Dẫu kíp chầy thiếp chẳng ngại công
Lòng thiếp có đôi vàng nhật nguyệt
Nỗi riêng tây kể sao cho xiết
Tâm là lòng, ý cũng là lòng
Thiếp xin trở về tiết giá sạch trong
Danh thơm để lưu hương thiên cổ.

(Trích: vở chèo **Lưu Bình - Dương Lễ**, Hà Văn Cầu sưu tầm và chú thích,
NXB Văn Hóa, Hà Nội, 1976)

Chú thích:

- (1) nam nữ đồng cư: nam nữ ở chung một nhà.
- (2) tiểu tình: vợ bé

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (0.5 điểm) Ghi lại lời chỉ dẫn sân khấu được sử dụng trong văn bản trên?

Câu 2. (0.5 điểm) Dựa vào văn bản, hãy cho biết Dương Lễ nhờ Châu Long đi làm việc gì?

Câu 3. (1.0 điểm) Tìm 01 từ Hán Việt trong đoạn trích sau và tìm từ thuần Việt đồng nghĩa với từ Hán Việt đó:

– *Bầm lầy quan,*
Thiếu chi điều cho bạn được nhờ
Cổ kim nay có thể bao giờ
Đi nuôi bạn thật điều rất khó

Câu 4. (1.0 điểm) Qua đoạn lời thoại:

Ta có người bạn thiết
Tên gọi Lưu Bình
Nghĩa trong phé phũ
Ta cũng có của giúp anh em no đủ
Nhưng đủ no lại nhãng việc học hành
Ấu là ta giả cách vô hình
Chịu tiếng bạc cho anh em càng tủi cực
Anh em có giận ta, mới học hành ra sức

Anh/ chị có nhận xét gì về nhân vật Dương Lễ?

Câu 5. (1.0 điểm) Từ văn bản trên, anh/ chị có suy nghĩ gì về vẻ đẹp của tình bạn? (Viết đoạn 7-10 dòng)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích, cảm nhận về nhân vật Châu Long trong đoạn trích trên.

Câu 2 (4.0 điểm)

Anh/ chị hãy viết bài văn nghị luận xã hội đề thuyết phục người khác thay đổi thói quen suy nghĩ tiêu cực.

**SỞ GD&ĐT HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT YÊN HÒA**

ĐỀ MINH HOẠ 2

(Đề gồm 01 trang)

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2025 - 2026**

MÔN: NGỮ VĂN, LỚP: 10

Thời gian làm bài: 120 phút

Họ và tên thí sinh:

Số báo danh:

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản dưới đây:

NHÀN

*Một mai, một cuộc, một căn câu,
Thơ thần dầu ai vui thú nào.
Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn, người đến chốn lao xao.
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.
Rượu, đến cội cây, ta sẽ uống,
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.*

(Nguyễn Bình Khiêm)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (0.5 điểm) Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 2. (0.5 điểm) Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong câu thơ: “*Một mai, một cuộc, một căn câu*”?

Câu 3. (1.0 điểm) Phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật đối trong hai câu thơ:

Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,

Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.

Câu 4. (1.0 điểm) Em hiểu thế nào là nơi *vắng vẻ* và chốn *lao xao*? Lựa chọn của *ta* cho thấy điều gì ở nhân vật trữ tình?

Câu 5. (1.0 điểm) Anh/chị có đồng tình với quan niệm sống *Nhàn* của tác giả trong bài thơ không? Vì sao? (Viết đoạn 7-10 dòng)

II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm) Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích đặc sắc nghệ thuật của bài thơ trên.

Câu 2 (4.0 điểm) Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận xã hội thuyết phục người khác từ bỏ thói quen trì hoãn.